

Bản án số: 56 /2019/HNGĐ- ST  
Ngày 07-8-2019  
V/v tranh chấp Ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông **Nguyễn Hữu Quý**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Phạm Tiến Lợi**

Bà **Nguyễn Thị Hà**

- **Thư ký phiên toà:** Bà **Lê Thị Hương** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa:** Bà **Đỗ Thị Ly** - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 140/2019/TLST- HNGĐ ngày 01/7/2019 về việc tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2019/QĐXX-ST ngày 26/7/2019 và giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1982; HKTT và nơi cư trú: Thôn TC, xã TH, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Có mặt

- **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1978; HKTT và nơi cư trú: Thôn TC, xã TH, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Có mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị L trình bày:** Tôi và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH ngày 24/4/2003. Sau khi kết hôn, chúng tôi chung sống hạnh phúc được 1 năm. Sau khi có con, anh T thường xuyên chơi bời, đánh đập tôi sưng đầu, tím mặt, có lần anh T đánh tôi làm tôi phải khâu 10 mũi ở đầu, quá trình chung sống anh T không đóng góp gì để cùng nuôi dạy con. Từ tháng 5/2019, tôi đã về nhà ngoại sinh sống. Anh T có đến xin lỗi bố mẹ tôi và tôi, tôi cũng đã quay về nhưng sau đó anh T lại đánh tôi nên tôi đã phải quay lại nhà bố mẹ đẻ để sinh sống từ đó đến nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị T1, sinh ngày 22/02/2004 và Nguyễn Văn B, sinh ngày 02/9/2005. Hai cháu hiện đang ở với anh T. Sau khi ly

hôn tôi xin được nuôi dưỡng cháu T1, để anh T nuôi cháu B, tôi không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ, công sức: không yêu cầu giải quyết.

**Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh Nguyễn Văn T trình bày:** Tôi và chị Nguyễn Thị L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH ngày 24/4/2003. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống hạnh phúc. Từ năm 2018, tôi làm ăn, chăn nuôi thua lỗ thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, hai vợ chồng không có tiếng nói chung. Đến năm 2019, chị L đi làm Công ty tất cả các ngày trong tuần, cả thứ 7, Chủ nhật, tôi muốn chị L ở nhà xum họp gia đình chị L không đồng ý, tôi muốn chị L lo giặt quần áo, mua thức ăn về cải thiện bữa ăn gia đình chị L không làm, chỉ muốn đi chơi. Hai vợ chồng thường xảy ra xô xát, có lần do không kìm nén được tôi đã đánh chị L mấy lần. Nay chị L xin ly hôn, tôi không đồng ý ly hôn, tôi muốn chị L về nhà để cùng xây dựng hạnh phúc gia đình.

Về con chung: có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị T1, sinh ngày 22/02/2004 và Nguyễn Văn B, sinh ngày 02/9/2005. Hai cháu đang ở với tôi. Trường hợp phải ly hôn tôi xin được nuôi 02 con chung, tôi không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung; nếu chỉ được nuôi 01 con và cháu B có nguyện vọng muốn ở với tôi nên tôi xin được quyền nuôi dưỡng cháu B.

Về tài sản chung và công nợ, công sức: không yêu cầu giải quyết.

**Đại diện VKSND huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu:** Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng các Điều 51,56,58,81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 147 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết: Chị L được ly hôn anh T. Về con chung: Giao cháu T1 cho chị L nuôi dưỡng, giao cháu B cho anh T nuôi dưỡng. Tài sản, công sức, công nợ: không đề nghị nên không xem xét giải quyết. Chị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về tố tụng:**

Chị Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ giải quyết được ly hôn anh Nguyễn Văn T. Hiện anh Nguyễn Văn T đang cư trú tại Thôn TC, xã TH, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

## **[2] Về nội dung:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn T thiết lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH ngày 24/4/2003 là hợp pháp. Quá trình chung sống, chị L và anh T đã phát sinh mâu thuẫn, theo chị L nguyên nhân mâu thuẫn do anh T chơi bời và thường xuyên đánh đập chị. Theo anh T theo nguyên nhân mâu thuẫn do anh làm ăn thua lỗ, vợ chồng không có tiếng nói chung như anh muốn chị L ở nhà để chăm lo cho gia đình thì chị L lại đi làm hoặc đi chơi, anh muốn chị L công khai tài chính trong gia đình nhưng chị L không đồng ý, anh T thừa nhận do nóng tính nên anh T có đánh chị L một vài lần. Anh T và chị L đều thừa nhận hai vợ chồng đã ly thân từ tháng 5/2019 đến nay. Nay chị L xin ly hôn anh T không đồng ý ly hôn, xin đoàn tụ để vợ chồng cùng nuôi dạy con cái nhưng quá trình giải quyết vụ án anh T không có biện pháp nào để cải thiện tình cảm vợ chồng, mà theo chị L anh T vẫn tiếp tục đánh chị, hai vợ chồng vẫn sống ly thân.

Tại phiên tòa chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xin được ly hôn với anh T. Xét thấy, chị L và anh T không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, có vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng, có biểu hiện không tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín của nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị L với anh T là phù hợp quy định pháp luật.

[2.2] Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị T1, sinh ngày 22/02/2004 và Nguyễn Văn B, sinh ngày 02/9/2005. Chị L có nguyện vọng được quyền nuôi dưỡng cháu T1, giao cháu B cho anh T nuôi dưỡng. Anh T có nguyện vọng được nuôi hai con chung, trường hợp chỉ được nuôi 01 con thì anh T muốn được quyền nuôi dưỡng cháu B. Quá trình giải quyết vụ án, cháu T1 có nguyện vọng muốn ở với chị L, cháu B có nguyện vọng muốn ở với anh T. Do đó, giao cho anh T được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu B đến khi trưởng thành hoặc có quyết định thay đổi khác, giao chị L được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T1 đến khi trưởng thành hoặc có quyết định thay đổi khác. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Chị L, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung: Chị L và anh T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Tòa án không xem xét.

**[3] Về án phí:** Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên!*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30

tháng 12 năm 2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chị **Nguyễn Thị L** được ly hôn anh **Nguyễn Văn T**.

2. Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị T1, sinh ngày 22/02/2004 và Nguyễn Văn B, sinh ngày 02/9/2005.

Chị Nguyễn Thị L được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Thị T1, sinh ngày 22/02/2004 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có quyết định thay đổi khác.

Anh Nguyễn Văn T được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Văn B, sinh ngày 02/9/2005 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có quyết định thay đổi khác.

Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đến khi có thay đổi khác.

Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được tính trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0004126 ngày 01 tháng 7 năm 2019

Chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TAND thành phố Hà Nội;

VKSND huyện ( 02 bản);

Các đương sự;

Lưu HS, VP

Chi cục THA dân sự Chương Mỹ

**TM. Hội đồng xét xử**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Hữu Quý**

